

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 48/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 ngày 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Trên cơ sở Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Trên cơ sở Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh

giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số 5441/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

Tổng số kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 là 4.813,584 tỷ đồng (Bốn nghìn, tám trăm mười ba tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu đồng), theo từng nguồn vốn như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh: phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 2.505,395 tỷ đồng (Hai nghìn năm trăm lẻ năm tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 658,495 tỷ đồng (Sáu trăm năm mươi tám tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng), chi tiết như sau:

* *Vốn tình quản lý:* 432,319 tỷ đồng, bao gồm:

- Chuẩn bị đầu tư: 3,5 tỷ đồng; bố trí cho 05 dự án.
- Thực hiện dự án: 381,149 tỷ đồng; theo lĩnh vực, ngành như sau:
 - Quốc phòng - An ninh và trật tự, an toàn xã hội: 40 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới.
 - Văn hóa, thông tin: 23 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp và 01 dự án khởi công mới.
 - Các hoạt động kinh tế: 240,139 tỷ đồng, gồm:
 - + Nông nghiệp: 05 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án khởi công mới.
 - + Giao thông: 179,207 tỷ đồng; bố trí cho 08 dự án chuyển tiếp và 03 dự án khởi công mới.
 - + Công nghệ thông tin: 42,151 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp.
 - + Thực hiện quy hoạch: 13,031 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp.
 - + Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã: 0,75 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án khởi công mới.

- Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: 63,01 tỷ đồng; bố trí 05 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới.

- Xã hội: 07 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp.

- Đối ứng vốn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 08 tỷ đồng.

- Dự phòng: 47,67 tỷ đồng.

* *Phân cấp huyện quản lý*: 226,176 tỷ đồng, gồm:

- Hỗ trợ có mục tiêu thực hiện theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 141 tỷ đồng.

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện đầu tư các Cụm quản lý hành chính cấp xã: 73 tỷ đồng.

- Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã: 12,176 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn thu sử dụng đất: 150 tỷ đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*), chi tiết như sau:

Vốn giao cấp huyện thu để chi theo quy định: 150 tỷ đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*), gồm:

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, kể cả công trình xã hội hóa (60%): 90 tỷ đồng.

- Trích lập Quỹ phát triển đất (30%): 45 tỷ đồng.

- Chi lập hồ sơ bản đồ địa chính (10%) (chi sự nghiệp kinh tế): 15 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn thu từ xổ số kiến thiết: 1.530 tỷ đồng (*Một nghìn, năm trăm ba mươi tỷ đồng*), chi tiết như sau:

* *Tỉnh quản lý*: 1.175 tỷ đồng, bao gồm lĩnh vực, ngành sau:

- Phân bổ cho các công trình có Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án: 1,718 tỷ đồng.

- Y tế: 201 tỷ đồng; bố trí cho 06 dự án chuyển tiếp.

- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 253,884 tỷ đồng; bố trí cho 14 dự án chuyển tiếp và 01 dự án khởi công mới.

- Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP: 309,03 tỷ đồng; bố trí cho 15 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới.

- Dự phòng: 409,368 tỷ đồng.

* *Phân cấp huyện quản lý*: 355 tỷ đồng, gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 170 tỷ đồng;

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện đầu tư cơ sở hạ tầng đạt các tiêu chí đô thị: 100 tỷ đồng.

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện thực hiện đầu tư các công trình giao thông: 85 tỷ đồng.

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn nước ngoài tỉnh vay lại của Chính phủ): 55,9 tỷ đồng (*Năm mươi lăm tỷ, chín trăm triệu đồng*), chi tiết như sau:

- Y tế, dân số và gia đình: 16,9 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp.

- Nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu: 39 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án khởi công mới.

đ) Nguồn vốn xổ số kiến thiết vượt thu năm 2022 (vốn ngoài dự toán Thủ tướng Chính phủ giao): 111 tỷ đồng (*Một trăm mười một tỷ đồng*), chi tiết như sau:

* *Tỉnh quản lý*: 100 tỷ đồng, gồm lĩnh vực, ngành sau:

Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP: 100 tỷ đồng; bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp.

* *Phân cấp huyện quản lý*: 11 tỷ đồng; Hỗ trợ thực hiện các Chính sách ưu đãi, đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu: phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 1.839,593 tỷ đồng (*Một nghìn tám trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm chín mươi ba triệu đồng*), cụ thể như sau:

a) Vốn trong nước: 1.736,3 tỷ đồng (*Một nghìn bảy trăm ba mươi sáu tỷ, ba trăm triệu đồng*), bao gồm:

* *Đầu tư theo ngành, lĩnh vực (bao gồm dự án liên kết vùng, dự án trọng điểm)*: 1.370,3 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 30 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp.

- Các hoạt động kinh tế: 1.120,3 tỷ đồng, gồm:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 273,3 tỷ đồng; bố trí cho 05 dự án chuyển tiếp.

+ Giao thông: 550 tỷ đồng; bố trí cho 09 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới.

+ Khu công nghiệp và Khu kinh tế: 230 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp.

+ Du lịch: 67 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp và 01 dự án khởi công mới.

- Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, liên kết vùng, dự án trọng điểm: 220 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp.

* *Đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội*: 366 tỷ đồng; chi tiết như sau:

- Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai: 200 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án khởi công mới.

- Y tế, dân số và gia đình: 166 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án khởi công mới.